

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Học kỳ Thu 2015

KINH TẾ VĨ MÔ

Bài tập 2

Ngày phát: 21/10/2015; Ngày nộp: 04/11/2015

Phần A (Cán cân thanh toán)

Giải thích cách thức mỗi giao dịch sau phát sinh ra hai bút toán (ghi sổ) như thế nào – một bút toán có và một bút toán nợ - trong các tài khoản cán cân thanh toán của Mỹ, và mô tả mỗi một bút toán được phân loại như thế nào..

- Một người Mỹ mua một cổ phiếu của Đức, trả tiền bằng cách viết một tờ séc (check/ngân phiếu) cho tài khoản ở một ngân hàng Thụy Sĩ.
- Một người Mỹ mua một cổ phiếu của Đức, trả tiền người bán bằng cách viết séc cho một ngân hàng Mỹ.
- Chính phủ Hàn Quốc thực hiện một giao dịch ngoại hối trong đó sử dụng USD đang cất giữ ở ngân hàng Mỹ để mua tiền Hàn Quốc từ công dân nước mình.
- Một du khách Mỹ mua một bữa ăn tại một nhà hàng đắt tiền ở Paris, thanh toán bằng séc du lịch .
- Một nhà sản xuất rượu vang California đóng góp một thùng rượu cho một sự kiện thử rượu ở London.
- Một nhà máy của Mỹ ở Anh sử dụng thu nhập ở Anh mua thêm máy móc.

Phần B (Purchasing Power Parity – Ngang bằng sức mua)

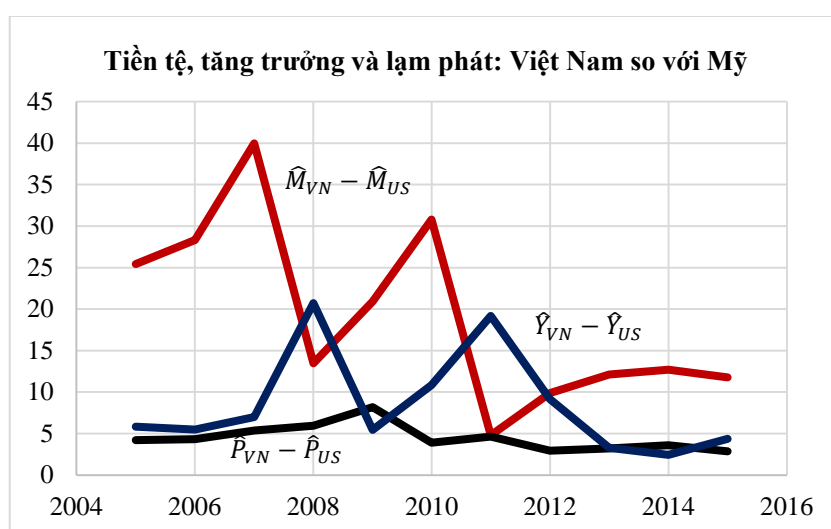
	2010		2015	
	Giá bằng US (\$)	Giá bằng VN (đ)	Giá bằng US (\$)	Giá bằng VN (đ)
Phở	4.5	35,000	5	50,000
iPod	275	4,400,000	300	6,000,000
$E_{H/F}$	$\$0.625 \times 10^{-4}$	16,000 đ	$\$0.5 \times 10^{-4}$	20,000 đ

- Dữ liệu từ bảng trên cho thấy gì về Ngang bằng sức mua (PPP) giữa Mỹ và Việt Nam? Xem cả (1) PPP tuyệt đối và (2) PPP tương đối so với cả phở lẫn iPods?
- Nếu PPP tuyệt đối của một hàng hóa mạnh hơn một hàng hóa khác, hãy giải thích tại sao.
- Tốc độ thay đổi hàng năm của $E_{d/\$}$ trong 5 năm qua là bao nhiêu?
- Tốc độ thay đổi hàng năm của $E_{d/\$}$ nói lên điều gì về tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam so với ở Mỹ?
- Theo lý thuyết tiền tệ, điều gì là yếu tố quyết định chủ yếu của sự chênh lệch quan sát được giữa lạm phát ở Mỹ và Việt Nam?

Phần C (Tiền tệ và lạm phát)

Bên dưới là đồ thị cho thấy sự khác biệt giữa tốc độ tăng cung tiền (M), GDP thực (Y), và mức giá (P) ở Việt Nam so với Mỹ.

- Lý thuyết tiền tệ dự đoán điều gì về sự khác biệt giữa tốc độ tăng của M, Y và P giữa hai nước?
- Dữ liệu trình bày trong đồ thị nhìn chung có phù hợp với dự đoán của lý thuyết không?
- Ta có thể giải thích như thế nào với trường hợp mà dữ liệu không phù hợp với dự đoán của lý thuyết?



Ghi chú: dữ liệu ở đây lấy từ cơ sở dữ liệu của IMF World Economic Outlook. Giá trị cho năm 2014 và 2015 là ước tính, không phải giá trị thực.

M là cung tiền mở rộng (M2), Y là GDP thực và P là hệ số khử lạm phát (GDP deflator).

Một cái hình “nón” ở trên một biến số cho thấy tỷ lệ thay đổi hàng năm của biến số đó.

Phần D (Tỷ giá hối đoái hiệu dụng danh nghĩa và thực)

	Số lượng đơn vị nội tệ /USD (\$)					Chỉ số giá tiêu dùng (2010=100)				
	USA	JPN	CHN	EU	VN	USA	JPN	CHN	EU	VNM
2000	1	107.77	8.28	1.09	14,168	79.0	102.7	81.0	85.7	48.1
2001	1	121.53	8.28	1.12	14,725	81.2	101.9	81.6	87.4	47.9
2002	1	125.39	8.28	1.06	15,280	82.5	100.5	81.0	88.6	49.8
2003	1	115.93	8.28	0.89	15,510	84.4	100.7	81.9	89.6	51.4
2004	1	108.19	8.28	0.81	15,746	86.6	100.7	85.1	91.0	55.3
2005	1	110.22	8.19	0.80	15,859	89.6	100.4	86.6	92.5	59.9
2006	1	116.30	7.97	0.80	15,994	92.4	100.7	87.9	93.9	64.4

2007	1	117.75	7.61	0.73		95.1	100.7	92.1	96.1	69.7
					16,105					
2008	1	103.36	6.95	0.68		98.7	102.1	97.5	98.6	85.8
					16,302					
2009	1	93.57	6.83	0.72		98.4	100.7	96.8	98.9	91.9
					17,065					
2010	1	87.78	6.77	0.76		100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
					18,613					
2011	1	79.81	6.46	0.72		103.2	99.7	105.4	102.1	118.7
					20,510					
2012	1	79.79	6.31	0.78		105.3	99.7	108.2	104.1	129.5
					20,828					
2013	1	97.60	6.20	0.75		106.8	100.0	111.1	105.7	138.0
					20,933					
2014	1	105.94	6.14	0.75		108.6	102.8	113.3	106.7	143.6
					21,148					

Nguồn: World Development Indicators and OECD online data

- Sử dụng dữ liệu trên (có sẵn trong bản excel gửi kèm) để tính toán và vẽ đồ thị của chỉ số tỷ giá hối đoái hiệu dụng danh nghĩa và thực cho Việt Nam so với mỗi nước (Mỹ, Nhật, Trung Quốc và EU).
- Sử dụng các trọng số sau để tính tỷ giá hối đoái hiệu dụng danh nghĩa và thực của Việt Nam (NEER và REER):

	Trọng số
United States	0.30
Japan	0.20
China	0.20
EU	0.30

- Mô tả ngắn gọn xu hướng của năng lực cạnh tranh quốc tế theo giá của Việt Nam dựa trên tính toán của anh chị về chỉ số tỷ giá hối đoái danh nghĩa và thực.